

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HOMEPRO VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HOMEPRO VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOMEPRO VIETNAM SERVICE TRADING MANUFACTURING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108621683

**3. Ngày thành lập:** 25/02/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 11 Ngõ 44 Trần Tử Bình, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4221     |
| 2.  | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4229     |
| 3.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4322     |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:<br>+ Thang máy, thang cuốn,<br>+ Cửa cuốn, cửa tự động,<br>+ Dây dẫn chống sét,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung. | 4329     |
| 5.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4330     |
| 6.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4620     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4649 |
| 8.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4651 |
| 9.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4652 |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)                                                                                                                                                                                                                                      | 4659 |
| 11. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4761 |
| 12. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;<br>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;<br>- Bán buôn sơn và véc ni;<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;<br>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;<br>- Bán buôn kính phẳng;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; | 4663 |
| 13. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4741 |
| 14. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4759 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát địa hình;</li> <li>- Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình</li> <li>- Thiết kế quy hoạch xây dựng</li> <li>- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình</li> <li>- Tư vấn lập Quy hoạch xây dựng các loại công trình xây dựng</li> <li>- Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng</li> <li>- Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình</li> <li>- Việc cung cấp các dịch vụ kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ phác thảo, dịch vụ kiểm định xây dựng như: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan;</li> <li>+ Thiết kế máy móc và thiết bị;</li> <li>+ Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông.</li> </ul> </li> <li>+ Hoạt động đo đạc và bản đồ</li> </ul> | 7110        |
| 16. | <p>Hoạt động thiết kế chuyên dụng</p> <p>Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7410(Chính) |
| 17. | <p>Sản xuất đồ gỗ xây dựng</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Các khung đỡ mái nhà được làm sẵn bằng gỗ, bằng kim loại nối với nhau và bằng gỗ dán mỏng,</li> <li>+ Cửa ra vào, cửa sổ, cửa chớp, khung cửa, bất kể chúng có hay không các phụ kiện bằng kim loại như bản lề, khoá...</li> <li>+ Cầu thang, hàng rào chắn,</li> <li>+ Lót ván sàn, mảnh gỗ ván sàn được lắp ráp thành tấm.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1622        |
| 18. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1393        |
| 19. | <p>Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác</p> <p>Chi tiết: - Sản xuất gỗ dán, bìa giấy đủ mỏng để sử dụng dán hoặc làm gỗ dán hoặc sử dụng cho các mục đích khác như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tấm gỗ được làm nhẵn, nhuộm, phủ, thấm tẩm, tăng cường (có giấy hoặc vải lót sau),</li> <li>+ Làm dưới dạng rời,</li> </ul> <p>- Sản xuất gỗ lạng, ván mỏng và các loại ván, tấm mỏng bằng gỗ tương tự;</p> <p>- Sản xuất gỗ mảnh hoặc gỗ thớ;</p> <p>- Sản xuất gỗ ván ghép và vật liệu dùng để cách nhiệt bằng thủy tinh;</p> <p>- Sản xuất gỗ dán mỏng, gỗ trang trí ván mỏng.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1621        |
| 20. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3100        |
| 21. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3320        |
| 22. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4101        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 23. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4102 |
| 24. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước<br>Chi tiết: - Xây dựng các công trình cửa:<br>+ Hệ thống thoát nước thải, bao gồm cả sửa chữa.<br>+ Nhà máy xử lý nước thải.<br>+ Trạm bơm.                                                                                                                                                              | 4222 |
| 25. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4321 |
| 26. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển; | 7730 |
| 27. | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>Chi tiết: - Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị làm lạnh thương mại và thiết bị lọc không khí;                                                                                                                                                                                                                       | 3312 |
| 28. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3314 |
| 29. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hoa tươi                                                                                                                                                                                                                                                         | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: ĐẶNG THẾ HUẤN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 26/02/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013329892

Ngày cấp: 20/08/2010

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 24 Đường Kim Giang, Tổ 24, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng B2005, Chung cư Ecolife Tây Hồ, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **ĐẶNG THẾ HUẤN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *26/02/1982*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *013329892*

Ngày cấp: *20/08/2010*

Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 24 Đường Kim Giang, Tổ 24, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng B2005, Chung cư Ecolife Tây Hồ, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*